

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2025/DS-ST
Ngày: 25 - 4 - 2025
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Long Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Siêng
2. Ông Cao Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định:
Bà Nguyễn Trường Minh Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh T, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 03/4/2025).

2. Bị đơn: Bà Lý Kiều T1, sinh năm 1990

Bà Trần Thị N, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

(Bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị Tuyết M trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Anh T trình bày như sau:

Bà M và bà Lý Kiều T1, bà Trần Thị N có mối quan hệ quen biết với nhau. Bà M có cho bà T1, bà N mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Ngày 27/6/2019, bà M cho bà T1 và bà N mượn số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Ngày 20/7/2019, bà M tiếp tục cho bà T1, bà N mượn số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Tổng số tiền bà M cho bà T1, bà N mượn là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Bà M cho bà T1, bà N mượn tiền để làm ăn, thời gian mượn tiền là 01 tháng. Nhưng sau đó bà M có đòi nợ nhiều lần nhưng bà T1, bà N cứ hứa hẹn sẽ trả nhưng không trả. Số tiền này là bà cho bà T1 mượn làm ăn riêng nên bà chỉ yêu cầu bà T1 trả tiền, không yêu cầu chồng bà T1 cùng trả nợ.

Giấy mượn tiền do bà Lý Kiều T1 viết, chữ ký trên giấy mượn tiền là của bà T1 và bà N trực tiếp ký tên, bà N không thừa nhận chữ ký thì bà N phải yêu cầu giám định chữ bà M không yêu cầu giám định. Bà M cho rằng đây là chữ ký của bà N, có sự chứng kiến của bà T1, con gái bà N.

Nay bà Trần Thị Tuyết M yêu cầu bà Lý Kiều T1 và bà Trần Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho bà tổng số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi suất.

- Theo biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị N trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị N trình bày như sau:

Bà N có mối quan hệ quen biết với bà Trần Thị Tuyết M.

Ngày 27/6/2019, bà N có mượn tiền của bà M số tiền 10.000.000 đồng là đúng. Chữ ký trên giấy mượn tiền này là của bà. Tuy nhiên, bà chỉ mượn bà M số tiền 10.000.000 đồng, chứ bà không mượn bà M số tiền 20.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 20/7/2019.

Chữ ký “Trần Thị N” trên giấy mượn tiền ngày 20/7/2019 không phải là chữ ký của bà. Tuy nhiên, bà N cũng không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký vì đây không phải là chữ ký của bà, bà sẽ nói chuyện lại với bà M.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng là tiền bà mượn giùm cho con gái bà làm sổ đỏ. Do điều kiện khó khăn nên bà chưa có điều kiện trả nợ cho bà M.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu bà N và bà T1 có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà M số tiền 30.000.000 đồng thì bà N không đồng ý số tiền này. Bà N chỉ đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn, bà cũng hay đau ốm nên bà N xin trả dần số tiền trên.

Bà T1 có mượn bà M số tiền 20.000.000 đồng hay không thì bà N không có biết.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lý Kiều T1 không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của bà M, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà T1, bà N có trách nhiệm liên đới trả cho bà M số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), bà M không yêu cầu trả lãi suất nên không xem xét. Về án phí dân sự: Bà Lý Kiều T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà Trần Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền đã vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại: thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà T1, bà N.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lý Kiều T1 nhưng bà T1 không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của bà T1 liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà M được. Bà T1 không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều

70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu khởi kiện của bà M, yêu cầu bà T1, bà N trả nợ, thấy rằng: Nội dung các giấy mượn tiền đều có ghi “Lý Kiều T1, Trần Thị N có mượn của bà Trần Thị Tuyết M” với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, đều có chữ ký “T1, Lý Kiều T1” và “N, Trần Thị N”. Theo bà M trình bày, nội dung trên giấy mượn tiền đều là chữ viết của bà T1 và chữ ký của bà T1, bà N. Thời gian mượn tiền là 01 tháng nhưng từ đó đến nay, bà M đã nhiều lần thông báo yêu cầu bà T1, bà N cùng trả nợ nhưng bà T1, bà N cứ hứa hẹn nhưng không trả nợ cho bà M.

Bà N thừa nhận có mượn bà M số tiền 10.000.000 đồng là đúng, bà N xin trả dần số tiền trên nhưng không được bà M đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà N không thừa nhận chữ ký của bà trên giấy mượn tiền ngày 20/7/2019 nhưng bà cũng không yêu cầu Tòa án giám định chữ viết, chữ ký mà xin sẽ nói chuyện lại với bà M. Tuy nhiên, từ đó đến nay, bà N cũng không có yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký hay cung cấp giấy tờ chứng minh đó không phải là chữ ký của bà. Bà M cũng không yêu cầu Tòa giám định chữ viết, chữ ký. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà T1 và bà N cùng mượn tiền bà M nên buộc bà N và bà T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ là phù hợp quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự 2015.

Do đó, bà M yêu cầu bà T1, bà N có trách nhiệm trả nợ cho bà là phù hợp. Căn cứ quy định tại các điều 288, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết M. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu bà T1, bà N trả lãi suất.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T1, bà N không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà M. Do đó, việc bà M khởi kiện yêu cầu bà T1, bà N có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại điều 288, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng

xét xử chấp nhận. Bà M không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T1 và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà T1 phải chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 102, 147, 159, 160, 161, 162, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết M. Buộc bà Lý Kiều T1 và bà Trần Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho bà M số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu trả lãi suất.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Kiều T1 phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Bà Trần Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Tuyết M 750.000 đồng (B trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo Biên lai thu số 0007056 ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

3. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Long Nhiên